TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 25-4-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Tự;

2. Ông Võ Văn Vui.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nam là Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Kim Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 695/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê M, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp P, xã M, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.
- *Bị đơn*: Anh Trương D, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp P, xã M, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai - nguyên đơn chị Lê M trình bày:

Chị và anh D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống bên gia đình chị tại ấp P, xã M, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng trong quá trình chung sống đã có những bất đồng ý kiến, đến năm 2015

thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do anh D thường xuyên uống rượu về nhà kiếm chuyện đập phá đồ đạc trong nhà, thậm chí còn dùng dao hăm dọa và rượt đánh chị. Chị đã một lần nộp đơn xin ly hôn vào năm 2015, nhưng vì con nên đã rút đơn lại cho anh D sửa sai, tuy nhiên anh D vẫn không biết sửa chữa. Nay xét thấy không thể tiếp tục chung sống với anh D được nữa, nên chị có yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trương N, sinh ngày 03/02/2006 và Trương V, sinh ngày 18/12/2015, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với anh Trương D, Tòa án đã niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh D vẫn vắng mặt không lý do, nên không có lời khai tại Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh D

Về con chung: Giao 02 cháu Trương N, sinh ngày 03/02/2006 và Trương V, sinh ngày 18/12/2015 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng; buộc anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Trương D đã được Tòa án triệu tập tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Chị M và anh D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng về sống bên gia đình chị M tại ấp P, xã M, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến và anh D sống không có trách nhiệm và còn có hành vi bạo lực gia đình, sự việc kéo dài đến năm 2015 thì chị M đã nộp đơn xin ly hôn với anh D, nhưng sau đó muốn tạo cho anh D cơ hội sửa chữa sai lầm, nên chị M đã rút đơn lại nhưng rồi anh D vẫn không biết khắc phục sai lầm của bản thân, qua xác minh chính quyền địa phương đã xác định cuộc sống chung của chị M và anh D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, địa phương nhiều lần hòa giải hàn gắn nhưng vẫn không được. Xét thấy tình trạng vợ chồng giữa chị M và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh D.

- Về con chung: Chị M và anh D có 02 con chung tên Trương N, sinh ngày 03/02/2006 và Trương V, sinh ngày 18/12/2015, cháu N có nguyện vọng được sống với chị M, cháu V còn nhỏ nên cần giao 02 con chung cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; Chị M yêu cầu anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, tuy nhiên không có cơ sở xác định thu nhập thực tế của anh D, nên cần buộc anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 cháu là phù hợp.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng; anh D phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê M đối với anh Trương D.

Chị Lê M được ly hôn đối với anh Trương D.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Trương N, sinh ngày 03/02/2006 và Trương V, sinh ngày 18/12/2015 cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/ 01 cháu. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ khi tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu Trương N và cháu Trương V đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lao động sinh sống được.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011225 ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu; chị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trương D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng anh Trương D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Dương Minh Châu;
- Chi cục THADS H. Dương Minh Châu;
- UBND xã M;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phạm Văn Diệp